TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2020/DS-PT
Ngày: 08-01-2020
V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu.

Bà Trần Thị Kim Em.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 385/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963 (chết tháng 10/2018);

Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của ông P:

1. Bà Trần Thị A, sinh năm 1966 (có mặt);

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1989;

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm 1993;

4. Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của chị N, chị N1, anh D, chị T: Bà Trần Thị A, sinh năm 1966 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020);

Địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Văn U), sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2017);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1960;

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1989;

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh năm 1993;

4. Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1999;

5. Bà Trần Thị A, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2, chị N, chị N1, anh D, chị T: Bà Trần Thị A, sinh năm 1966 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020);

Địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1929 (vắng mặt);

2. Ông Châu Văn S, sinh năm 1950 (vắng mặt);

3. Bà Châu Thị S2, sinh năm 1963 (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1939 (có mặt);

5. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1949 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Nguyễn Thị A2, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Văn U).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/12/2016, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông có diện tích đất 5.050m^2 tại Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh tiền Giang do ông đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1986 ông có cho anh bà con chú bác với ông tên Nguyễn Văn M (Nguyễn Văn U) mượn phần đất có diện tích khoảng 50m^2 để làm chuồng chăn nuôi heo, bò. Vào ngày 26/8/2016 gia đình ông không có ở nhà, ông M ngang nhiên đốn phá tre của ông. Ông làm hàng rào tre để ngăn cản bò của ông M vào phá vườn ông thì ông M phá hàng rào và nói ông lấn đất của ông M. Sau đó ông M đã tự ý xây nhà trên phần đất mà ông cho ông M mượn mà không hỏi ý kiến của ông. Ông đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã D giải quyết buộc Ông Nguyễn Văn M tạm ngưng việc xây dựng nhà, trả đất cho ông. Nay ông yêu cầu Ông Nguyễn Văn M phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông và đốn bỏ 06 cây dừa trên đất.

Tại bản khai ngày 16/3/2017, bị đơn Ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Văn U) trình bày:

Cô ông tên Nguyễn Thị T2 (đã chết năm 2012) có quản lý, sử dụng thửa đất khoảng 2500m^2 tại Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là của ông bà nội ông chết để lại cho cô đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà nội ông còn sống, cách nay khoảng 55 năm, bà nội có cho cha ông tên Nguyễn Văn S2 cất một chuồng heo trên đất để chăn nuôi, cải thiện đời sống (cho miệng không có giấy tờ). Vào năm 1969, cha ông chết để lại chuồng heo cho ông quản lý, sử dụng vào việc chăn nuôi từ năm 1969 cho đến nay, diện tích chuồng heo khoảng 50m^2 nằm trong thửa đất 2.500m^2 do cô Nguyễn Thị T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cô T2 chết vào năm 2012 (cô T2 không có chồng, con) thì Ông Nguyễn Văn P tự ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cô T2 đứng tên, âm thầm sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bản thân ông P mà không có sự đồng ý của những người thừa kế trong gia đình. Vào tháng 7/2016, ông tháo dỡ chuồng chăn nuôi để cho con gái cất tiệm uốn tóc diện tích khoảng 28m^2; khi xây được ½ tiệm thì ông P tranh chấp, hiện nay công trình dở dang rất tốn kém cho gia đình ông. Ông P còn yêu cầu ông phải đốn 06 cây dừa ông đã trồng trên đất của cô Nguyễn Thị T2 cách nay trên 20 năm. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn P.

Quá trình giải quyết vụ kiện, người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Văn M là Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào năm 1960 bà nội của ông M (không nhớ họ tên) có cho ông Nguyễn Văn S2 là cha ông M mượn một phần diện tích đất để làm chuồng bò, đất thuộc thửa 1056. Năm 1969, ông S2 mất, ông M tiếp tục sử dụng phần đất trên cho đến nay. Năm 2016, ông M tháo dỡ chuồng bò để cất tiệm hớt tóc kiên cố nên ông P tranh chấp. Nguồn gốc đất là của ông bà nội ông M cho bà Nguyễn Thị T2 quản lý, trong diện tích đất 5.050m^2 mà ông P đứng tên có nguồn gốc là ½

của ông Nguyễn Văn C (cha ông P) và ½ là của bà Nguyễn Thị T2. Ông P đứng tên giấy đất nhưng không có di chúc và giấy giám định tâm thần của bà T2. Nay ông M không đồng ý trả đất cho ông P, yêu cầu để ông M được sở hữu phần đất đang xây tiệm cắt tóc có diện tích đo đạc thực tế là 29,6m^2 do đây là đất hương quả do ông bà để lại, ngoài ra không tranh chấp diện tích đất còn lại do ông P đứng tên và không tranh chấp gì khác.

Ngày 23/10/2018 Ông Nguyễn Văn P chết, những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của ông P gồm Bà Trần Thị A, Chị Nguyễn Thị Ngọc N, Chị Nguyễn Thị Ngọc N1, Anh Nguyễn Ngọc D, Chị Nguyễn Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ông Nguyễn Văn M tháo dỡ nhà xây tiệm cắt tóc trả lại phần đất lấn chiếm và không yêu cầu đốn bỏ 06 cây dừa trên đất.

Bà Trần Thị A là người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của ông P; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của ông P trình bày:

Bà yêu cầu Ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Văn U) trả lại diện tích đất đang xây tiệm cắt tóc dở dang qua đo đạc thực tế có diện tích 29,6m^2 nằm trong diện tích đất 5.050m^2 thuộc thửa 1056 tại Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/01/2003 cho hộ Ông Nguyễn Văn P. Nguồn gốc đất là của cô ruột ông P là bà Nguyễn Thị T2 và của cha ông P là ông Nguyễn Văn C tặng cho ông P từ năm 1995, đến năm 2003 thì ông P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 1986, mẹ của ông M là bà Nguyễn Thị Năm có hỏi mượn một phần diện tích đất khoảng 50m^2 thuộc thửa 1056 để xây chuồng nuôi heo, sau khi bà Năm chết thì con bà Năm là ông M tiếp tục sử dụng để nuôi bò. Đến năm 2016, ông M tháo dỡ chuồng bò để cất tiệm cắt tóc thì ông P không đồng ý do trước đây chuồng bò chỉ làm bằng cây, sau này tiệm cắt tóc cất kiên cố. Khi bà T2 cho đất ông P thì bà T2 trực tiếp xuống Ủy ban nhân dân xã D làm thủ tục tặng cho đất ông P, lúc đó bà T2 còn minh mẫn nên Ủy ban không yêu cầu phải giám định tâm thần. Nay bà yêu cầu Ông Nguyễn Văn M trả lại phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 29,6m^2, yêu cầu tháo dỡ tiệm cắt tóc đã xây cất để trả lại diện tích đất cho các đồng thừa kế của Ông Nguyễn Văn P. Đối với 06 cây dừa do ông M trồng và 15 ngôi mộ của dòng họ trên phần đất diện tích 5.050m^2 bà không yêu cầu giải quyết, đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

Người làm chứng Bà Nguyễn Thị M1, Ông Châu Văn S, Bà Châu Thị S2, Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị X, Bà Nguyễn Thị A2 thống nhất trình bày:

Phần đất có diện tích 2.500m^2 tại Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất của mẹ bà T2 để lại cho bà T2. Trước đây mẹ bà T2 có cho ông Nguyễn Văn S2 (ba của Ông Nguyễn Văn M) cất chuồng trại để chăn nuôi, diện tích chuồng trại khoảng 50m^2. Đến năm 1969, ông S2 mất để lại cho Ông Nguyễn Văn M tiếp tục chăn nuôi. Sau khi bà T2 mất vào năm 2012 thì Ông Nguyễn Văn P tự ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên cho Ông Nguyễn Văn P. Đến tháng 7/2016 thì xảy ra tranh chấp giữa Ông Nguyễn Văn P và Ông Nguyễn Văn

M. Nay ông P kiện ông M đòi trả đất là vô lý vì đất này không phải là đất của ông P, ông P không có quyền đòi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 100, 166, 170 và Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Văn P gồm: Trần Thị A, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc N1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc Ông Nguyễn Văn M phải tháo dỡ, di dời công trình đang xây cất dở dang trên đất (tường xây và trụ bê tông cốt thép) trả lại diện tích đất 29,6m^2 thuộc thửa 1056, diện tích 5.050m^2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01503 ngày 24/01/2003 cho những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Văn P gồm: Trần Thị A, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc N1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/8/2019, bị đơn Ông Nguyễn Văn M (Nguyễn Văn U) có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ông Nguyễn Văn P trả lại cho ông số tiền vật tư xây dựng mà ông đã bỏ ra đầu tư trên phần đất tranh chấp là 13.000.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật. Xét đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định nên được xem xét. Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đầy đủ và xét xử đúng quy định của pháp luật. Quá trình kháng cáo thì người kháng cáo cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Quyền sử dụng đất" là có căn cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn Nguyễn Văn P sau khi khởi kiện vụ án tại Tòa án thì ngày 23/10/2018 ông P chết do bệnh Nơron vận động. Ông P không để lại di chúc, người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của ông P bao gồm vợ là Trần Thị A cùng các con là Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc N1, Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Thị Ngọc T.

[2] Về nội dung: Các đương sự cùng trình bày thống nhất phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 29,6m^2 thuộc thửa đất số 1056, có tổng diện tích 5.050m^2 tọa lạc tại xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất chính thức ngày 24/01/2003. Nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông P nhận chuyển quyền từ bà Nguyễn Thị T2 (cô ruột) diện tích 2.500m^2 và chuyển quyền từ ông Nguyễn Văn C (cha ruột) diện tích 2.550m^2. Khi bà T2 còn sống thì có cho cha ruột của ông M mượn một phần đất để cất chuồng nuôi heo, bò. Sau khi cha ruột ông M chết thì ông M dùng phần đất này để cất tiệm cắt tóc cho con ruột, ông P không đồng ý và phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc ông M phải tháo dỡ, di dời bức tường trên đất; giao trả cho ông P phần đất có diện tích 29,6m^2. Sau khi xét xử sơ thẩm thì ông M kháng cáo, đồng ý trả lại ông P diện tích đất nêu trên nhưng yêu cầu ông P phải hoàn trả chi phí xây dựng trên đất (bức tường) là 13.000.000 đồng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất tranh chấp có diện tích 29,6m^2 thuộc thửa đất số 1056, có tổng diện tích 5.050m^2 tọa lạc tại xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất chính thức ngày 24/01/2003. Cho nên, ông P có đầy đủ các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Xét nội dung án sơ thẩm xét xử buộc ông M giao trả phần đất tranh chấp cho ông P là đúng pháp luật. Đối với vật kiến trúc trên đất, ông M có xây dựng 01 bức tường dở dang, có kết cấu tường xây, trụ bê tông cốt thép; theo kết quả định giá của Tòa án cấp sơ thẩm có giá trị 11.376.288 đồng. Theo nguyên đơn trình bày, khi ông M tiến hành xây dựng tiệm uốn tóc thì ông P đã ngăn cản nhưng ông M cố tình xây dựng. Ông M thì cho rằng, phần đất ông xây dựng có nguồn gốc là của ông bà để lại cho cha của ông sử dụng, sau khi cha ông chết thì ông tiếp tục sử dụng, nên khi xây dựng tiệm cắt tóc không cần bàn bạc hay hỏi ý kiến ông P. Căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ thì phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 1056 thuộc quyền sử dụng của ông P; khi xây dựng tiệm uốn tóc, ông M không thương lượng, bàn bạc và cũng không có sự đồng ý của ông P, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời phần bức tường đã xây dựng trên đất là đúng pháp luật. Khi kháng cáo, ông M cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 100, 166, 170 và Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 216/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Văn P gồm: Trần Thị A, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc N1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc Ông Nguyễn Văn M phải tháo dỡ, di dời công trình đang xây cất dở dang trên đất (tường xây và trụ bê tông cốt thép) trả lại diện tích đất 29,6m^2 thuộc thửa 1056, diện tích 5.050m^2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01503 ngày 24/01/2003 cho những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Văn P gồm: Trần Thị A, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc N1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T (có sơ đồ kèm theo). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3.Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, cộng chung là 600.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 01253 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như thi hành xong phần án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn lại cho Ông Nguyễn Văn P (do những người những người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Văn P gồm: Trần Thị A, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc N1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị Ngọc T nhận) số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 25526 ngày 06/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt